TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 3 năm 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 147/TB-TA, ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Bích N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 24, ấp MK 2, xã MHH, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 13, ấp MA 1, xã MHH, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 24, ấp MK 2, xã MHH, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Nhựt T qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố Long

Xuyên ngày 22/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khi sinh con thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn, ông T nhiều lần chửi mắng bà. Sau đó do mua bán thua lỗ, hết tiền, ông T phát hiện nên vợ chồng cự cãi, đánh bà nhiều lần và đuổi bà ra khỏi nhà nên vợ chồng không sống chung từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Lương Thị Bích N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Nhựt T.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 2004 đã thành niên và có khả năng lao động; Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 07/5/2014. Quá trình giải quyết, cháu Tr có nguyện vọng được sống cùng bà thì bà đồng ý, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa cháu Tr thay đổi ý kiến mong muốn được sống với ông T. Ông T đồng ý nuôi con theo nguyện vọng cháu Tr, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Nhựt T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, tuy nhiên với mâu thuẫn như bà N trình bày thì ông không hoàn toàn thống nhất. Ông thừa nhận có đánh bà N 2 lần với lý do bà N không tôn trọng ông, thường đùa giỡn với những người nam làm thịt heo chung, ông nhiều lần nhắc nhở nhưng bà N chẳng những không thay đổi mà còn cãi lại ông. Ngoài ra, bà N còn gây ra nhiều khoản nợ nhưng không rõ lý do, ông hỏi thì bà N không nói. Mặc dù vợ chồng có bất hòa nhưng ông vẫn không đồng ý ly hôn, vì tình cảm dành cho bà N vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Ông yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà N là ông bà có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 2004 đã thành niên và có khả năng lao động; Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 07/5/2014. Tại phiên tòa, cháu Tr có nguyện vọng sống cùng ông thì ông đồng ý, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà N về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cư ngụ tại xã MHH, thành phố Long Xuyên, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông T và bà N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố Long Xuyên vào năm 2005, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà N trình bày bà mua bán thua lỗ ông T không quan tâm, chia sẻ, khi vợ chồng mâu thuẫn ông T nhiều lần chửi mắng, đánh và đuổi bà ra khỏi nhà nên vợ chồng không sống chung từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn ông T.

Ông T thừa nhận có đánh vợ với lý do bà N không tôn trọng chồng, hay đùa giỡn với những người nam làm thịt heo chung, ông nhắc nhở nhưng bà N không thay đổi mà còn cãi lại, bà N mua bán gây nợ nhưng không rõ lý do, ông hỏi để quan tâm, chia sẻ, gánh vác trách nhiệm nhưng bà N không nói. Mặc dù vợ chồng có bất hòa nhưng ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Qua lời trình bày của đương sự, xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết ông T không đồng ý ly hôn, bà N không thống nhất hàn gắn. Tại phiên tòa, ông T vẫn có nguyện vọng đoàn tụ. Hội đồng xét xử động viên bà N tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng đối với ông T không còn, mâu thuẫn trong hôn nhân không thể cứu vãn. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn, dung hòa mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn ông T.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 2004 đã thành niên và có khả năng lao động; Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 07/5/2014. Cháu Tr trình bày có nguyện vọng sống cùng ông T. Ông T và bà N thống nhất, ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đức Tr, không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Bà N không tranh chấp quyền nuôi con đối với cháu Tr. Xét điều kiện của ông T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Tr, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu bà N cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Ông T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Bích N được ly hôn ông Nguyễn Nhựt T.

2. Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh năm 2004 đã thành niên và có khả năng lao động; Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 07/5/2014. Ông bà thống nhất:

Ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 07/5/2014.

Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Ông T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lương Thị Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001163, ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.